

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ - ST.

Ngày 23 - 7 - 2019.

V/v tranh chấp: “*Kiến xin ly hôn,
nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - HÀ NAM.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Chí Trung.
2. Bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Là Thư ký của tòa án nhân dân thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc “*Kiến xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn M, xã TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn AN, xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Thành vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị M và anh T đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 11 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị M sống cùng với mẹ chồng tại thôn AN, xã TH, thành phố PL. Tuy nhiên cuộc sống không hạnh phúc vì anh T ham chơi không quan tâm đến gia đình, vợ con, anh T còn thường xuyên chửi rủa đánh đập chị M, lấy bố mẹ và con chị M ra để đe dọa. Đã nhiều lần chị M tha thứ cho anh T với mong muốn anh T sẽ thay đổi nhưng anh vẫn tiếp tục chơi bời và đánh đập chị M nhiều hơn. Nhận thấy không thể chung sống với nhau được nữa nên từ đầu tháng 3/2019 chị M đã bỏ ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị M và anh T không liên lạc, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị M xác định không còn tình cảm với anh T, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn An K, sinh ngày 29/7/2016. Khi vợ chồng ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn An K và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

- Về con riêng, con nuôi: Không có.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng có tình không đến tòa để làm việc, vì vậy Tòa án không thu thập được quan điểm của anh T.

Tại biên bản làm việc ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Tòa án với bà Nguyễn Thị Nụ (là mẹ đẻ của anh T), bà Nụ cung cấp cho Tòa án thông tin: Anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án, anh T đã đến Tòa án một lần nhưng không vào làm việc. Hiện tại anh T vẫn đang ở cùng với gia đình bà tại thôn AN, xã TH, thành phố PL. Về tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T bà Nụ xác nhận anh T và chị M có nhiều mâu thuẫn trong hôn nhân và đã sống ly thân. Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn An K. Hiện tại chị M đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Về tài sản và công nợ, vợ chồng không có gì chung. Nay chị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn bà Nụ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt, thông báo hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Xác định đúng tư cách đương sự trong vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70; 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70; 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Bị đơn đã vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự khiến cho quá trình giải quyết vụ án bị kéo dài.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn An K, sinh ngày 29/7/2016 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thôn AN, xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án thực hiện việc giao và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam ngày 20 tháng 11 năm 2015 đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị M và anh T sống không hạnh phúc vì trong cuộc hôn nhân này cả hai không tìm được tiếng nói chung. Anh T không trân trọng cuộc sống hôn nhân thể hiện ở việc không quan tâm đến gia đình và thường xuyên đánh chửi chị M. Mặc dù chị M đã cố nín nhịn kéo nhưng cuộc hôn nhân vẫn không mang lại hạnh phúc do anh T không thay đổi bản tính. Vì vậy cuộc hôn nhân rơi vào trạng thái căng thẳng không thể giải tỏa nổi. Chị M và anh T đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa chứng tỏ vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau. Việc anh T đã biết chị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh, chị nhưng anh T cố tình không đến tòa để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải cho thấy anh T cũng không còn tình cảm với chị M và không quan tâm đến cuộc hôn nhân nữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị M xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên cần xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn An K, sinh ngày 29/7/2016. Hiện vợ chồng sống ly thân chị M là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, tình cảm mẹ con gắn bó, vì vậy cần giao cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K là phù hợp, đảm bảo quyền lợi ích chính đáng của con chưa thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

- Về con riêng, con nuôi: Không có.

* Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị M không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí ly hôn: Chị M phải nộp theo quy định pháp luật.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; 144; khoản 4 Điều 147; 227; 228; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 54; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn An K (con gái), sinh ngày 29/7/2016 cho đến khi cháu An K đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Thị M được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0002053 ngày 01/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- UBND xã Tiên Hiệp, TP Phủ Lý;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên